

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04232**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tin học kế toán**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020074	Huỳnh Băng	Băng	26/07/2009			8	8.0	7.0	8.0	8.0		6.5		7.0
2	2453403020075	Võ Thị Kim	Chi	19/06/2009			8	8.0	7.0	8.0	7.0		6.0		6.6
3	2453403020076	Trần Khánh	Duy	03/02/2009			5	5.0	6.0	5.0	6.0		6.8		6.3
4	2453403020077	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2009			8	8.0	7.0	8.0	8.0		6.8		7.2
5	2453403020078	Hà Phong	Đạt	05/08/2009			7	7.0	7.0	7.0	8.0		7.5		7.4
6	2453403020079	Kiều Thanh	Đức	29/04/2008			5	5.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.7
7	2453403020080	Âu Kỳ Hiếu	Em	23/04/2009			6	6.0	7.0	6.0	6.0		7.0		6.7
8	2453403020081	Huỳnh Gia	Hân	25/07/2009			9	9.0	8.0	9.0	9.0		9.8		9.4
9	2453403020082	Lâm Kiến	Hồng	19/09/2009			8	8.0	7.0	8.0	8.0		7.0		7.3
10	2453403020083	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	17/04/2009			9	9.0	8.0	9.0	9.0		9.0		8.9
11	2453403020084	Dương Lê	Huy	08/10/2009			7	7.0	6.0	7.0	7.0		7.0		6.9
12	2453403020086	Nguyễn Đình	Lợi	16/08/2009			8	8.0	7.0	8.0	7.0		6.5		6.9
13	2453403020087	Nur Juliy Ah	Mach	29/05/2008			5	5.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.7
14	2453403020088	Trần Gia	Mãng	25/09/2009			8	8.0	8.0	8.0	7.0		6.0		6.7
15	2453403020089	Thái Hoàng	Minh	14/06/2009			5	5.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.7
16	2453403020090	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	02/06/2001			9	9.0	9.0	10.0	10.0		10.0		9.8
17	2453403020091	Lê Bảo	Ngọc	04/10/2009			6	6.0	7.0	6.0	7.0		6.5		6.5
18	2453403020092	Trần Kim	Ngọc	16/05/2009			7	7.0	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8
19	2453403020093	Đặng Thị Mỹ	Như	15/01/2009			8	8.0	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2
20	2453403020094	Phạm Hoàng	Phúc	04/04/2009			5	5.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.7
21	2453403020095	Siti	Saphira	18/03/2009			8	8.0	8.0	8.0	9.0		8.5		8.4
22	2453403020096	Bùi Đăng Hữu	Tài	16/04/2009			6	6.0	6.0	6.0	7.0		5.3		5.7
23	2453403020097	Nguyễn Thọ	Thành	29/12/2009			7	7.0	6.0	7.0	7.0		6.8		6.8
24	2453403020098	Dương Nhật	Thị	04/05/2009			6	6.0	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6
25	2453403020099	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	07/08/2009			7	7.0	8.0	7.0	8.0		7.8		7.7
26	2453403020100	Trịnh Phú	Trạng	04/03/2008			5	5.0	5.0	5.0	5.0		0.0		2.0
27	2453403020102	Phan Thái Ngọc	Trâm	28/08/2009			8	8.0	7.0	8.0	8.0		6.8		7.2
28	2453403020103	Đinh Đào Thanh	Trúc	30/07/2009			8	8.0	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7
29	2453403020104	Hồ Thị Cẩm	Tú	30/12/2009			6	6.0	6.0	6.0	7.0		7.0		6.7
30	2453403020105	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyền	11/08/2009			7	7.0	7.0	7.0	8.0		7.0		7.1
31	2453403020106	Đinh Phạm Mỹ	Uyên	09/11/2009			8	8.0	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9
32	2453403020107	Nguyễn Thị Kim	Uyên	08/01/2009			8	8.0	7.0	8.0	8.0		6.8		7.2
33	2453403020108	Nguyễn Thị Mai	Vàng	19/09/2009			9	9.0	8.0	9.0	9.0		6.8		7.6
34	2453403020109	Lâm Yến	Vy	04/02/2009			6	6.0	6.0	6.0	7.0		6.3		6.3
35	2453403020110	Nguyễn Tường	Vy	15/10/2009			6	6.0	7.0	6.0	6.0		5.0		5.5
36	2453403020111	Lâm Xuân	Yến	11/08/2009			5	5.0	5.0	5.0	6.0		5.0		5.1

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Đồng Nhất